

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2021

V/v “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Chí Thiện

2. Ông Nguyễn Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2021/TLST-DS, ngày 17/6/2021 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; HKTT: 290/15 đường L, tổ 7, Khu 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Ngọc G, sinh năm 1989; HKTT: đường L, tổ 7, Khu 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Ngọc G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2015, quyển số 01/2015. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện tại, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Hiện ông H đã dọn ra sống riêng nên thực tế vợ chồng đã ly thân. Ông H và bà G hiện không chăm lo gì cho vợ và con. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã

không còn, mâu thuẫn không thể cải thiện, hôn nhân không thể kéo dài nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà G.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên N sinh ngày 05/9/2017 và Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh ngày 05/4/2016. Sau khi ly hôn, ông H đồng ý nuôi dưỡng hai con nhỏ còn nếu bà G có nguyện vọng nuôi hai con thì ông H cũng đồng ý và ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 02 chung mỗi con là 20.000.000đồng/tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Huỳnh Ngọc G nhưng bà G không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc G. Bà G có nơi cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Huỳnh Ngọc G theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn ông H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Ngọc G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2015, quyển số 01/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông H là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ông H yêu cầu được ly hôn với bà G vì cho rằng cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, ông H và bà G thực tế đã sống ly thân gần ba năm nay. Căn cứ Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 12/10/2021 thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn nên ông H ít khi về nhà nhưng vợ chồng không trình báo địa phương. Như vậy, thực tế vợ chồng ông H có mâu thuẫn và đã sống ly thân nên không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng vợ chồng đã không còn tình cảm nên xác định không mong muốn hàn gắn. Đối với bà G, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà nhưng bà G không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa hai người đã thực sự không còn, mâu thuẫn giữa bà G và ông H là có thật và đã trầm trọng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông H và bà G có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên N, sinh ngày 05/9/2017 và Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh ngày 05/4/2016. Sau khi ly hôn, ông H đồng ý nuôi dưỡng hai con chung còn nếu bà G có nguyện vọng nuôi hai con thì ông H cũng đồng ý và ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 02 chung mỗi con là 20.000.000đồng/tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Xét hoàn cảnh thực tế 02 con chung hiện đang còn nhỏ và sinh sống, học tập ổn định cùng mẹ là bà G. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà G không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ theo nguyện vọng của nguyên đơn, đồng thời nhận thấy các con chung đều còn nhỏ nên cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ và để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cho các cháu cần giao con chung cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, ông H tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 20.000.000đồng/01 con, đây là ý chí tự nguyện của ông H không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc G

Về án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Ngọc G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc G về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Huỳnh Ngọc G

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thiên Ngân, sinh ngày 05/9/2017 và Nguyễn Huỳnh Đức Trí, sinh ngày 05/4/2016 cho bà Huỳnh Ngọc G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thiên N, sinh ngày 05/9/2017 và Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh ngày 05/4/2016 là 20.000.000 đồng/tháng/01 con chung cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Ngọc G trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0056411 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Văn H còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân

